

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ươn, ương*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ươn, ương*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ươn, ương*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ươn, ương*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ươn, ương* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói về sinh hoạt hằng ngày (những việc thường làm và cần làm vào buổi sáng sau khi thức dậy).

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó thêm yêu thiên nhiên và cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *ươn, ương*; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước *ươn, ương* và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Đường tới trường/ lượn theo/ sườn đồi.*
- GV giới thiệu các vần mới *ươn, ương*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- Đọc vần *ươn*
 - + Đánh vần
 - GV đánh vần mẫu: *ư - ơ - n - ươn.*
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.
 - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
 - + Đọc trơn vần
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.
 - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.
 - + Ghép chữ cái tạo vần
 - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần.
 - GV yêu cầu HS nêu cách ghép.
- Đọc vần *ương*
 - Quy trình tương tự quy trình đọc vần *ươn*.
- So sánh các vần: Tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần trong bài. GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *lượn* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *lượn*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *lượn* (*lờ – ươn – lươn – nặng – lượn*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *lượn*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *lượn*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *lượn*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa vần *ươn*
 - GV đưa các tiếng chứa vần *ươn*, yêu cầu HS tìm điểm chung.
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần *ươn*.
 - Đọc trơn các tiếng cùng vần *ươn*.
 - + Đọc tiếng chứa vần *ương*
Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa vần *ươn*.
 - + Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng cả hai nhóm vần.
 - + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ươn*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *khu vườn, hạt sương, con đường*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *khu vườn*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *khu vườn* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ươn* trong *khu vườn*, phân tích và đánh vần tiếng *vườn*, đọc trơn từ ngữ *khu vườn*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *hạt sương, con đường*.
- HS tìm từ ngữ mới có vần *ươn* hoặc *ương*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ươn, ương*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *ươn, ương*.
- HS viết vào bảng con: *ươn, ương* và *vườn, đường* (chữ cỡ vừa và nhỏ).
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các từ ngữ *khu vườn, con đường*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ươn, ương*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ươn, ương* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:
 - + *Khi ngày mới bắt đầu, bầu trời như thế nào?*
 - + *Làng quê như thế nào?*
 - + *Em thường làm gì khi ngày mới bắt đầu?*

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu: *Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? Em thường làm gì sau khi thức dậy mỗi sáng?*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về những việc thường làm và nên làm sau khi thức dậy mỗi sáng.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *ươn, ương* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ươn, ương* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.